SAO Y; VĂN PHÒNG, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG; 11/12/2025; 8:34:52 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4929 /QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 04 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư tại phường Nam Triệu do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng làm Chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường và biến đổi khí hậu;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng tại Văn bản số 2064/BQL-DA1 ngày 02/12/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 854/TTr-SNNMT ngày 04 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư tại phường Nam Triệu *(sau đây gọi là Dự án)* của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng *(sau đây gọi là Chủ dự án)* thực hiện tại phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ, khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý hồ sơ thẩm định và các tài liệu liên quan đến Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định; chủ trì cùng Ủy ban nhân dân phường Nam Triệu và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện những nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, các yêu cầu tại Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Giao Ủy ban nhân dân phường Nam Triệu có trách nhiệm căn cứ thẩm quyền theo quy định của pháp luật để hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đối với Chủ dự án. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát những nội dung về bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Tổng Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch;
- PCT TT Lê Anh Quân;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hải Phòng;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố (để công khai);
- UBND phường Nam Triệu;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NNMT, NVKTGS;
- Lưu: VT, T.L.Khiết.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Lê Anh Quân

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ TẠI PHƯỜNG NAM TRIỆU

(Kèm theo Quyết định số 4929 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu tái định cư tại phường Nam Triệu.

- Địa điểm thực hiện: phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng.

- Chủ dự án đầu tư: Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng các Công trình Giao thông và Nông nghiệp Hải Phòng.

- Địa chỉ: số 14 đường Minh Khai, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án:

- Quy mô đầu tư:

+ Nhóm dự án: Nhóm B.

+ Quy mô sử dụng đất: Tổng diện tích đất 13,66 ha, gồm 02 khu. Trong đó:

Khu 1 có diện tích 5,096 ha, cụ thể: Đất ở 20.599,6 m²; Đất giáo dục: 1.148,4 m²; Đất cây xanh 4.490,9 m²; Đất giao thông, bãi đỗ xe: 24.299,1 m²; Đất hạ tầng kỹ thuật khác 419,0 m².

Khu 2 có diện tích 8,564 ha, cụ thể: Đất ở 35.830,5 m²; Đất giáo dục 1.112,4 m²; Đất cây xanh: 5.954,8 m²; Đất giao thông, bãi đỗ xe: 41.555,5 m²; Đất hạ tầng kỹ thuật khác: 1.188,9 m².

+ Quy mô đầu tư: Xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư trên diện tích 13,66 ha, dự kiến sẽ tiếp nhận khoảng 663 hộ tái định cư.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường:

+ Hạng mục giải phóng mặt bằng.

+ Hạng mục xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư trên diện tích 13,66 ha bao gồm các hạng mục công trình chủ yếu: San nền, đường giao thông, cây xanh, hệ thống thoát nước thải và trạm xử lý nước thải, cấp nước-phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, kè đá hộc xung quanh khu vực dự án.

+ Hạng mục vận hành ổn định dự án.

+ Trách nhiệm và quản lý công trình của các đơn vị có liên quan.

- Phạm vi đánh giá tác động môi trường không bao gồm:

+ Hoạt động khai thác nguyên vật liệu phục vụ dự án.

+ Hoạt động thi công xây dựng các công trình nhà ở, giáo dục theo quy hoạch; việc phát sinh, quản lý các chất thải trong quá trình thi công xây dựng các công trình nhà ở, giáo dục theo quy hoạch và việc phát sinh, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại trong quá trình vận hành dự án đối với các công trình nhà ở, giáo dục.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

1.3.1. Các hạng mục công trình:

(1) Hạng mục san nền: San nền toàn bộ dự án theo cao độ thiết kế +2,30 m, chia ô san nền và thi công đồng bộ với nền đường (cos nền xây dựng khu vực ≥ +2,5 m).

(2) Hạng mục đường giao thông: Gồm 25 tuyến, tổng dài khoảng 4,55 km; mặt đường rộng 7–9 m, kết cấu mặt đường cấp cao A1, tải trọng 10 tấn, nền đường đầm chặt K ≥ 0,95. Vỉa hè lát gạch, có rãnh thoát nước, bãi đỗ xe bố trí tại khu tái định cư 1 với diện tích 1.962,9 m^2 và khu tái định cư 2 với diện tích 3.211,2 m^2.

(3) Hạng mục cấp nước, phòng cháy chữa cháy: Mạng cấp nước dùng ống HDPE D110–D160, đấu nối từ hai tuyến hiện hữu; bố trí trụ cứu hỏa theo quy chuẩn. Đường ống đặt trên vỉa hè, thiết kế theo mạng vòng, bảo đảm cấp nước sinh hoạt và chữa cháy cho toàn khu.

(4) Hạng mục cấp điện, điện chiếu sáng: Nguồn điện 22 kV cấp cho trạm biến áp 630 kVA, lưới điện trung – hạ áp bằng cáp ngầm. Chiếu sáng sử dụng đèn LED lắp đặt dọc các tuyến đường và khu cây xanh, điều khiển tự động.

(5) Hạng mục kè đá hộc xung quanh khu vực dự án: Gia cố các vị trí tiếp giáp dân cư bằng tường chắn đá hộc cao trung bình 1,2–1,8 m nhằm bảo vệ ổn định hạ tầng và taluy.

(6) Hạng mục thông tin liên lạc: Hệ thống cáp được luồn trong ống uPVC D110 chôn sâu 0,7 m dưới đường và 0,5 m trên hè; gồm 02 ống chính, trong đó 01 ống dành riêng cho an ninh – quốc phòng. Các tuyến nhánh dùng 01 ống D110. Ga kéo cáp bố trí cách nhau 80–100 m và tại các vị trí đổi hướng; đoạn qua đường đặt trong hào kỹ thuật, ống dày 6,8 mm. Ga kéo cáp xây gạch VXM M75, nắp gang có bản lề, thuận tiện cho thi công và đấu nối.

(7) Hạng mục thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa thiết kế tách

riêng với nước thải, dùng cống BTCT D600–D1500 đặt dưới vỉa hè, thoát theo chế độ tự chảy. Ga thu – ga thăm bố trí trung bình 20–30 m, đảm bảo thu nước mặt kịp thời. Nước mưa khu 5,09 ha thoát ra mương hiện trạng trên đường Đầu Cầu và ra kênh Đầm Ba Xã; khu 8,56 ha thoát ra mương hiện trạng và ra kênh Đầm Ba Xã. Cao độ san nền và tuyến cống đảm bảo thoát nước an toàn, tránh ngập úng.

(8) Hạng mục thoát nước thải và trạm xử lý nước thải: Hệ thống thoát nước thải tách biệt hoàn toàn với nước mưa, thu gom bằng ống D200–D300 dẫn về trạm xử lý nước thải riêng cho từng khu (300 m^3/ngày và 450 m^3/ngày). Trạm xử lý đặt ngầm, kín, dùng công nghệ sinh học AO–MBBR, nước sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT (cột A, F≤2000) trước khi xả vào hệ thống khu vực.

(9) Hạng mục trồng cây xanh: trồng cây xanh tại khu 1 với diện tích 4.490,9 m^2 và Khu 2 với diện tích 5.954,8 m^2. Bao gồm cây xanh công cộng và cây xanh chuyên dụng, phân bố đều nhằm tạo không gian cảnh quan và tăng chất lượng môi trường.

1.3.2. Các hoạt động của Dự án đầu tư:

- Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng dự án: phát quang thực vật; giải phóng mặt bằng; san lấp mặt bằng; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, phế thải; hoạt động xây dựng các hạng mục công trình.

- Giai đoạn vận hành: hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án; hoạt động của cư dân sinh sống tại khu tái định cư; hoạt động của giáo viên, học sinh tại khu đất giáo dục; hoạt động vận hành của 2 trạm xử lý nước thải.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên là 11,3 ha (thuộc điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn chuẩn bị, xây dựng dự án: hoạt động phát quang thực vật; hoạt động phá dỡ các công trình hiện trạng; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, phế thải; hoạt động xây dựng các hạng mục công trình phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn,

chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, có nguy cơ tác động đến khu dân cư, công trình xung quanh, ảnh hưởng đến cảnh quan xung quanh, tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ,...

- Giai đoạn vận hành: hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải; hoạt động của cư dân sinh sống tại khu tái định cư; hoạt động của giáo viên, học sinh tại khu đất giáo dục; hoạt động vận hành của 2 trạm xử lý nước thải phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải:

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ sinh hoạt của khoảng 30 công nhân mỗi phân khu tại công trường, lưu lượng khoảng 3 m^3/ ngày (Khu 5,096 ha: 1,5 m^3/ ngày; Khu 8,564 ha: 1,5 m^3/ ngày). Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ và các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

- Nước thải thi công: Phát sinh từ hoạt động rửa bánh xe, thiết bị với lưu lượng khoảng 4 m^3/ngày (Khu 5,096 ha: 2 m^3/ ngày; Khu 8,564 ha: 2 m^3/ngày). Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, bùn cát, váng dầu mỡ.

b) Giai đoạn vận hành Dự án:

Nước thải sinh hoạt: phát sinh chủ yếu từ hoạt động của khu dân cư và các khu giáo dục. Tổng lượng nước thải sinh hoạt trung bình khoảng 564 m^3/ngày, trong đó: Khu 5,096 ha: 218 m^3/ ngày; Khu 8,564 ha: 346 m^3/ngày);

Tổng lượng nước thải tính toán lớn nhất là 735 m^3/ngày (Khu 5,096 ha: 285 m^3/ngày; Khu 8,564 ha: 450 m^3/ngày). Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải sinh hoạt gồm các chất cặn bã, chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ, chất dinh dưỡng (N, P) và vi khuẩn gây bệnh, dầu mỡ động thực vật.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô và tính chất khí thải:

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, thi công xây dựng, hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công của Dự án. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, NOx, SO_2, VOCs...

b) Giai đoạn vận hành Dự án:

- Khí thải, bụi từ phương tiện giao thông ra vào dự án. Nhiên liệu đốt cho quá trình vận hành các phương tiện vận tải thường là xăng và dầu Diesel, vì vậy trong khói thải xe sẽ phát sinh bụi và các khí độc SO_2, NO_x, CO.

- Mùi từ quá trình vận hành 02 hệ thống xử lý nước tập trung, công suất xử lý lần lượt là 300/ngày và 450 m^3/ngày. Do đặc trưng là nước thải sinh hoạt, vì vậy sẽ phát sinh khí thải gây mùi H_2S, NH_3, Metyl mercaptan.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động ăn uống, sinh hoạt hằng ngày của công nhân tại công trường, với thành phần chủ yếu gồm chất hữu cơ, giấy bìa, nhựa, cao su, da, thủy tinh, sắt thép vụn, gạch sỏi và các tạp chất rắn nhỏ. Lượng chất thải phát sinh trung bình khoảng 27 kg/ngày (13,5kg/ngày cho mỗi khu).

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ phá dỡ công trình hiện trạng: Phát sinh từ việc phá dỡ các công trình nhà tạm với tổng diện tích sàn tại khu 5,09ha là 229,47 m^2; khu 8,56ha là 386,36 m^2. Tổng khối lượng vật liệu phá dỡ tại khu 5,09ha khoảng 183 tấn; khu 8,56ha khoảng 309 tấn, bao gồm: gạch, vữa, ngói mái, cát rời, sắt thép và gỗ. Thành phần ô nhiễm chính là bùn đất, bụi và vật liệu xây dựng vụn.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình phát quang mặt bằng: Phát sinh từ hoạt động dọn dẹp, phát quang cây cỏ, bụi rậm và cây màu trên diện tích khoảng 11,3 ha đất trồng lúa và đất hoang hóa. Lượng sinh khối khoảng 46 tấn cho toàn khu vực (Khu 5,09ha: 16 tấn; khu 8,56ha: 30 tấn). Thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động bóc tách lớp đất mặt dày trung bình 20 cm trên tổng diện tích 11,3ha, tổng khối lượng khoảng 29.416 tấn đất hữu cơ (khoảng 10.224 tấn tại khu 5,09 ha và 19.192 tấn tại khu 8,56 ha). Thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ tự nhiên và đất mùn.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ quá trình đào hạ cos, thi công tuyến hạ tầng kỹ thuật và san nền với tổng khối lượng 32.430 m^3, tương đương 45.402 tấn (Khu 5,096ha: 15.814 tấn; Khu 8,564ha: 29.588 tấn). Thành phần chủ yếu là đất, cát và sét..

- Chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng (chất thải xây dựng khác) với tổng khối lượng ước tính tại khu 5,09 ha khoảng 1 tấn/ngày và tại khu 8,56 ha khoảng 1,5 tấn/ngày. Thành phần ô nhiễm chính gồm xi măng, cát, đá, sắt thép vụn, bao bì và vật liệu xây dựng thải bỏ.

b) Giai đoạn vận hành Dự án:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân sinh sống tại khu vực nhà ở với khối lượng khoảng 3,82 tấn/ngày. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ vận hành tại 02 trạm xử lý nước thải (1người/ca tại mỗi trạm xử lý nước thải) là 3 kg/ngày. Thành phần chất thải được phân loại theo quy định gồm (i) chất thải hữu cơ dễ phân hủy như thức ăn thừa, rau củ, vỏ hoa quả; (ii) chất thải tái chế, tái sử dụng như giấy, nhựa, kim loại, thủy tinh, bao bì; và (iii) chất thải còn lại gồm các vật liệu không tái chế, túi nilon, gạch vỡ, gốm sứ, tro bụi sinh hoạt.

- Chất thải bùn từ hệ thống thu/thoát nước mưa, nước thải khoảng 61 kg/ngày.

- Chất thải bùn từ hệ thống xử lý nước thải tập trung: khoảng 21 tấn/năm đối với khu 8,56 ha và khoảng 14 tấn/năm đối với khu 5,09 ha.

3.2.2. Chất thải nguy hại:

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng: tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 921 kg. Cụ thể:

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Ký hiệu phân loại	Khu 5,09ha	Khu 8,56ha	Tổng khối lượng (kg)
1	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	Rắn	KS	21	39	60
2	Cặn sơn, sơn (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 01 01	Rắn	KS	2	3	5
3	Các loại chất thải xây dựng và phá dỡ khác (bao gồm cả hỗn hợp chất thải) có các thành phần nguy hại (chổi sơn, con lăn sơn thải)	11 08 03	Rắn	KS	14	17	41
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thuỷ tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	NH	7	13	20
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	53	98	151
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải	18 01 02	Rắn	KS	123	228	351

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Ký hiệu phân loại	Khu 5,09ha	Khu 8,56ha	Tổng khối lượng (kg)
	ra là chất thải nguy hại, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải						
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	Rắn	KS	15	28	43
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (bao gồm cả gối thấm dầu thải)	18 02 01	Rắn	KS	91	169	260
	Tổng				**326**	**595**	**921**

b) Giai đoạn vận hành Dự án: tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh là khoảng 3.114 kg/năm. Cụ thể:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khu 5,09ha (kg/ năm)	Khu 8,56ha (kg/ năm)	Khối lượng (kg/năm)
1	Vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (bao gồm cả gối thấm dầu thải, than hoạt tính)	Rắn	18 02 01	KS	244	406	650
2	Chất hấp thụ NaOH	Lỏng	02 02 01	NH	924	1.540	2.464
	Tổng				**1.168**	**1.946**	**3.114**

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng: phát sinh từ phương tiện, hoạt động thi công xây dựng của dự án.

- Giai đoạn vận hành Dự án: phát sinh từ hoạt động của phương tiện ra vào Dự án, tiếng ồn từ máy móc thiết bị của 02 trạm xử lý nước thải 300m^3/ngày và 450m^3/ngày (bao gồm hoạt động của hệ thống xử lý mùi).

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt của 30 công nhân lao động trên mỗi khu (tổng cộng 60 công nhân) phát sinh trong quá trình chuẩn bị và thi công xây dựng: mỗi khu bố trí 02 nhà vệ sinh di động dạng container cho mỗi khu (mỗi nhà có 02 bể phốt bằng vật liệu composite và có dung tích 1,2 m^3/bể phốt), hút bể phốt 3 ngày/lần; nước thải được thu gom bởi đơn vị có chức năng bơm hút, vận chuyển, xử lý; áp dụng nội quy vệ sinh và ưu tiên 80% lao động địa phương để giảm phát sinh.

- Nước thải xây dựng: phát sinh chủ yếu từ hoạt động rửa xe trên mỗi khu được thu gom vào 01 hố tách dầu tạm có dung tích khoảng 2 m^3/hố (kích thước: 1,2m x 1,2m x 1,5m), có bố trí gối thấm dầu để tách dầu lẫn trong nước thải và 01 hố lắng tạm có dung tích khoảng 6 m^3/hố (kích thước 2m x 2m x1,5m). Nước sau xử lý được tái sử dụng cho hoạt động rửa xe, tuyệt đối không xả ra môi trường. Định kỳ (03 tháng/lần) thay thế gối thấm dầu để đảm bảo hiệu quả tách dầu. Gối thấm dầu được quản lý như chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành Dự án:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom về xử lý tại 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung: Khu 5,09 ha công suất 300 m^3/ngày; Khu 8,56ha công suất 450 m^3/ngày (mỗi hệ thống chia thành 02 module, công suất mỗi module đạt 50% tổng công suất của trạm để đảm bảo cho hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung trong giai đoạn đầu của Dự án). Công nghệ xử lý: AO-MBBR.

- Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung như sau:

Nước thải sinh hoạt → Bể gom nước thải → Bể tách cát, dầu mỡ → Bể điều hoà → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể thu nước tuần hoàn → bể lắng → bể khử trùng → bồn lọc áp lực → Bể chứa sau xử lý → mương hiện trạng → kênh Đầm Ba Xã.

Trong giai đoạn đầu, khu vực dân cư chưa được lấp đầy dự án sẽ cân đối và có lộ trình vận hành cho từng Module để đảm bảo hệ thống xử lý nước thải vận hành hiệu quả.

- Vị trí xả nước thải: theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$, múi chiếu 3^0, cụ thể:

Tại Khu I:

+ Tại hố gas cuối nối tuyến cống hộp thoát nước hiện hữu đường Đầu Cầu: X(m) = 2313560.137; Y(m) = 602743.82

+ Tại kênh Đầm Ba Xã: X(m) = 2313673.275; Y(m) = 602881.372.

Tại Khu II:

+ Tại hố gas cuối: X(m) = 2314118.603; Y(m) = 602683.692

+ Tại kênh Đầm Ba Xã: X(m) = 2314145.316; Y(m) = 602751.438.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

Tại Khu I: 300 m^3/ngày đêm.

Tại Khu II: 450 m^3/ngày đêm.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột A, F≤2.000).

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Công trình thủy lợi tiếp nhận nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt quy chuẩn chảy vào hố gas nối tuyến cống hộp thoát nước hiện hữu đường Đầu Cầu sau đó chảy vào kênh Đầm Ba Xã (đối với Khu I: 5,09ha) và chảy vào kênh Đầm Ba Xã (đối với Khu II: 8,56ha) thuộc Hệ thống thủy lợi Thủy Nguyên.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Xây dựng hệ thống thu gom, công trình xử lý nước thải phục vụ giai đoạn thi công xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng Dự án, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

- Hoạt động chuyển giao nước thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng tuân thủ theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ.

- Xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải tập trung, đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Khu tái định cư đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột A, F≤2000) trước khi xả ra điểm xả nước thải và thoát ra kênh Đầm Ba Xã. Không được phép xả nước thải không đáp ứng yêu cầu này ra môi trường trong mọi trường hợp.

- Thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo trạm xử lý nước thải tập trung luôn vận hành bình thường; việc vận hành trạm xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung theo quy định; lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra.

- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải xảy ra cần nhanh chóng khắc phục và toàn bộ phần nước thải được lưu chứa tạm thời trong các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp, sự cố kéo dài và các bể không còn khả năng lưu chứa thì phải thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng:

- Thực hiện thi công cuốn chiếu, dứt điểm theo từng khu vực; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh với tần suất 01 lần/ngày.

- Phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định, chỉ sử dụng các phương tiện thi công còn hạn đăng kiểm, sử dụng phương tiện thi công dùng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; thường xuyên bảo dưỡng các loại xe và thiết bị xây dựng để giảm thiểu tối đa lượng bụi và khí thải ra

- Cầu rửa xe được bố trí ở cổng vào công trường để làm sạch các phương tiện thi công trước khi di chuyển ra khỏi công trường.

- Bố trí xe chuyên dụng để tưới nước dập bụi trên tuyến đường nội bộ phục vụ thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu chính ở phạm vi cách Dự án khoảng 01 km với tần suất từ 01 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng tần suất tưới vào mùa khô; phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng với tần suất 02 lần/ngày, tăng tần suất khoảng 3 – 4 lần/ngày trong mùa khô; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau quá trình tập kết.

- Bố trí đội vệ sinh môi trường, hàng ngày thực hiện dọn dẹp, thu gom toàn bộ đất, cát rơi vãi trên các cổng ra vào công trình, trên tuyến đường vận chuyển.

b) Giai đoạn vận hành Dự án:

- Bụi và khí thải giao thông: hạng mục kiểm soát gồm dải cây xanh cách ly, cây bóng mát dọc các tuyến đường nội bộ và công viên nhằm hấp thụ bụi, giảm tiếng ồn và cải thiện vi khí hậu; bên cạnh đó, các phương tiện giao thông được yêu cầu bảo dưỡng, đăng kiểm định kỳ, lưu hành đúng tải trọng và tuyến đường quy định, bảo đảm mặt cắt đường và vỉa hè thông thoáng để hạn chế phát sinh khí thải.

- Mùi hôi từ trạm xử lý nước thải: hệ thống xử lý gồm ống thu gom khí, quạt hút và tháp hấp phụ than hoạt tính; công suất tháp khử mùi được thiết kế

tương đương với công suất quạt hút, lần lượt là 600 m^3/h cho trạm xử lý 300 m^3/ngày và 1.000 m^3/h cho trạm xử lý 450 m^3/ngày, bảo đảm hiệu quả thu gom và xử lý khí gây mùi. Quy trình xử lý khí: khí gây mùi phát sinh từ các bể gom, bể tách cát dầu mỡ, bể điều hòa, bể hiếu khí, bể khử trùng và bể chứa bùn được thu gom qua hệ thống ống dẫn kín, sau đó được quạt hút đưa qua tháp hấp thụ bằng NaOH. Trong tháp hấp thụ bố trí tấm tách ẩm tấm lọc Dimister trước ống dẫn khí đầu ra để tách hơi nước dư nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của quá trình hấp phụ sau đó. Sau khi xử lý hấp thụ, khí gây mùi được dẫn sang tháp hấp phụ than hoạt tính để xử lý các hợp chất gây mùi; khí sạch sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật.

c) Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong các giai đoạn của Dự án; giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng; bảo đảm môi trường không khí xung quanh trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án đảm bảo tỷ lệ cây xanh, khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định và bố trí hành lang cây xanh cách ly đối với trạm xử lý nước thải tập trung của Khu tái định cư theo đúng quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Vận hành 02 hệ thống xử lý mùi từ 02 hệ thống xử lý nước thải tập trung để hạn chế mùi hôi và khí thải phát sinh; đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (cột A). Thông số giám sát: H_2S, NH_3, Metyl mercaptan.

- Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín bên trên và định kỳ thực hiện nạo vét thu gom bùn, bảo trì các thiết bị.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí các thùng rác có nắp đậy với 03 màu sắc khác nhau theo quy định để thu gom từng loại chất thải sau phân loại tại nguồn; đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với sinh khối phát quang: được thu gom, tập kết tạm trong ranh giới giải phóng mặt bằng, hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom – xử lý hằng ngày.

- Đối với đất bóc hữu cơ và đất dôi dư: khu vực tập kết tạm bố trí trong phạm vi công trường, có mái dốc, rãnh thoát nước bao quanh, cách xa khu dân cư và nguồn nước. Đất hữu cơ tận dụng trồng cây xanh và hoàn trả mặt bằng, phần đất dôi dư được chuyển giao cho đơn vị tiếp nhận theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng khác và chất thải phá dỡ công trình: Phân loại tại nguồn: tại mỗi khu bố trí khu vực lưu chứa tạm thời, dự kiến diện tích khoảng 20 m^2 chất thải tái chế được chuyển giao cho đơn vị có chức năng tái chế theo quy định; chất thải không thể tái chế được thu gom và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành Dự án:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải được phân loại tại nguồn thành ba nhóm: (1) chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) chất thải thực phẩm; và (3) chất thải rắn sinh hoạt khác sau đó chuyển giao cho đơn vị thu gom tại địa phương vận chuyển, xử lý.

Đối với chất thải sinh hoạt phát sinh từ nhà dân, khu giáo dục do người dân và các chủ dự án khu giáo dục có trách nhiệm phân loại, thu gom, quản lý và chuyển giao cho đơn vị chức năng để xử lý theo quy định.

- Bùn thải từ hệ thống thu - thoát nước và 02 trạm xử lý nước thải tập trung: Đơn vị quản lý, vận hành hợp đồng với tổ chức có đủ chức năng để thực hiện định kỳ nạo vét, thu gom, vận chuyển và xử lý lượng bùn cặn phát sinh theo đúng quy định (không bao gồm bùn bể phốt).

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ các loại chất thải rắn thông thường, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được phân loại, thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a) Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:

- Chủ đầu tư xây dựng nội quy quản lý, bảo quản, thu gom chất thải nguy hại áp dụng thống nhất trong toàn dự án.

- Mỗi khu bố trí 1 công trình lưu giữ chất thải nguy hại gồm kho chứa tạm bằng container diện tích 10 m^2, bố trí cách xa nguồn nước mặt, nền chống thấm, có mái che, cửa khóa và biển cảnh báo. Trong kho đặt các thùng có nắp đậy,

phân loại riêng theo mã chất thải nguy hại; chất thải nguy hại được thu gom, lưu chứa trong các thùng chứa có dán nhãn, lưu giữ tạm thời trong kho và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/BTNMT ngày 28/02/2025.

b) Giai đoạn vận hành Dự án:

- Chất thải nguy hại được phân loại tại nguồn.

- Mỗi khu bố trí 1 công trình lưu giữ chất thải nguy hại được bố trí tại khu hạ tầng kỹ thuật, diện tích 10 m², nền chống thấm, mái che kín, có biển cảnh báo, khóa an toàn và phương tiện phòng cháy chữa cháy. Trong khu lưu chứa đặt các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, phân loại theo mã chất thải nguy hại, có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại rõ ràng theo quy định.

Định kỳ 6 tháng đến 1 năm/lần, đơn vị vận hành thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/BTNMT ngày 28/02/2025.

c) Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:

+ Sử dụng máy móc, phương tiện thi công đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, có tiếng ồn, độ rung thấp; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; không thi công vào các khung giờ buổi trưa từ 12h - 13h30, buổi tối từ 18h - 06h sáng hôm sau.

+ Phương tiện vận chuyển không chở vượt quá tải trọng cho phép, tắt máy khi không cần thiết; lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc, phương tiện thi công có tiếng ồn, độ rung cao.

+ Hạn chế sử dụng còi khi đi qua khu vực đông dân cư, trường học.

- Giai đoạn vận hành Dự án:

+ Gắn các biển báo giao thông quy định tốc độ, giảm tốc độ, không dùng còi xe ở các khu vực đông dân cư.

- Yêu cầu về môi trường: Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2025/BNNMT; Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2025/BNNMT; Tuân thủ các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.4.1.1. Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:

- Giảm thiểu tác động đến hoạt động giao thông:

+ Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ và tổ chức thực hiện theo đúng quy định; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết; lắp đặt hệ thống đèn, giới hạn tốc độ, trọng tải, khoảng cách an toàn và các biển chỉ dẫn, hệ thống an toàn giao thông khác theo quy định tại các vị trí phù hợp, dễ quan sát; bố trí đường tạm trong trường hợp hoạt động thi công gây ảnh hưởng tới việc giao thông đi lại của người dân.

+ Trong thời điểm thi công bố trí cán bộ tổ chức chỉ dẫn giao thông đường bộ cho các phương tiện qua lại khu vực thi công đảm bảo an toàn, giao thông ttrong khu vực được thông suốt, không gây tắc nghẽn.

- Giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái:

+ Giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ hệ sinh thái cho cán bộ, công nhân viên của Dự án. Nghiêm cấm công nhân có các hành vi xâm hại đến tài nguyên động thực vật khu vực dự án

+ Thực hiện các nội quy bảo vệ hệ sinh thái, tài nguyên sinh vật, nghiêm cấm các hành vi săn bắt động vật, chặt phá thực vật; nghiêm cấm xả rác thải, nước thải bẩn xuống các khu vực nước mặt.

+ Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

+ Áp dụng biện pháp thi công tiên tiến để giảm thiểu đến mức thấp nhất việc làm ảnh hưởng đến môi trường sống của các loài động, thực vật thủy sinh và giảm lượng chất rắn lơ lửng trong nguồn nước.

+ Không thi công ngoài phạm vi ranh giới giải phóng mặt bằng

- Giảm thiểu tác động khác:

+ Thực hiện rà phá bom, mìn khu vực Dự án trước khi thi công.

+ Không thi công trong thời gian có mưa lũ; cắm biển báo tại nơi có nền địa chất yếu, dễ xảy ra sạt trượt nhất là các khu vực đào sâu; khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn phải dừng ngay các hoạt động thi công, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm; báo cáo cơ quan chức năng để cùng phối hợp ứng phó sự cố.

+ Tất cả công nhân viên của Dự án được phổ biến, thực hiện nghiêm túc các nội quy phòng chống cháy nổ; tại các vị trí lán trại thi công đều được bố trí mỗi gian một bình chữa cháy.

+ Tuân thủ nghiêm thiết kế, biện pháp thi công khi thi công các hạng mục của dự án.

+ Xây dựng các phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động; không tập kết vật tư, vật liệu, thiết bị, làm lán trại gần khu vực nước mặt, công trình thủy lợi.

+ Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công; hoàn trả mặt bằng các khu vực đất tạm chiếm dụng; bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

4.4.1.2. Giai đoạn vận hành Dự án

- Sự cố trạm xử lý nước thải:

+ Kiểm tra định kỳ công trình xử lý nước thải, phát hiện và sửa chữa hỏng hóc kịp thời.

+ Thực hiện quan trắc và báo cáo cơ quan quản lý môi trường theo quy định.

+ Trước vận hành: lập hồ sơ cấp phép môi trường, xây dựng phương án ứng phó sự cố và đào tạo vận hành.

+ Vận hành thử, điều chỉnh thông số, hoàn thiện quy trình, lấy mẫu phân tích và đào tạo cán bộ trong giai đoạn chuyển giao.

+ Khi xảy ra sự cố: lưu nước trong bể điều hòa và hệ thống thu gom; thông báo cơ quan quản lý và người dân; tham vấn, đánh giá thiệt hại và xử lý theo yêu cầu quản lý.

+ Sự cố thiết bị/mất điện: sử dụng thiết bị dự phòng, chuẩn bị máy phát điện, duy tu bảo dưỡng định kỳ và có sẵn nhà cung cấp thay thế.

+ Sự cố do vận hành: rà soát thông số, lấy mẫu định kỳ, báo cáo sự cố trong 24 giờ, mời chuyên gia hỗ trợ và khắc phục để đưa hệ thống hoạt động trở lại; xử lý vi phạm nếu không tuân thủ quy định môi trường.

- Các sự cố liên quan đến công trình hạ tầng kỹ thuật khác:

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các tuyến đường ống cấp, thoát nước;

+ Tiến hành sửa chữa, thay thế ngay khi phát hiện ra hỏng hóc;

+ Đề ra các quy định đối với các hộ dân tiến hành xây dựng nhà cửa trong Khu tái định cư, tránh để xảy ra tình trạng hỏng hóc các đường ống do phương tiện thi công;

+ Tuyên truyền nâng cao ý thức của các hộ dân trong Khu tái định cư, thông báo ngay cho chủ Dự án khi phát hiện có sự cố với đường ống cấp nước, thoát nước, cấp điện

+ Thường xuyên quét dọn, thu gom rác thải trên các tuyến đường của Khu tái định cư;

+ Định kỳ khơi thông cống rãnh, nạo vét hệ thống thoát nước, tránh để xảy ra tình trạng ngập úng, nhất là vào mùa mưa.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác: không có

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

- Giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:

Chủ dự án là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường cho các hoạt động thi công xây dựng của tất cả các hạng mục trong phạm vi dự án.

- Giai đoạn vận hành:

+ Sau khi hoàn thành các hạng mục: san nền, đường giao thông, cây xanh, hệ thống thoát nước thải và trạm xử lý nước thải, hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc, kè đá hộc xung quanh khu vực dự án kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực xung quanh theo quy định; được nghiệm thu hoàn thành để đưa vào sử dụng, nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao đất và toàn bộ các hạng mục này cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để sử dụng chung, quản lý, vận hành theo quy định.

Đơn vị quản lý và vận hành dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

5.2. Giám sát môi trường

- Chương trình giám sát bụi, khí thải: không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ.

- Chương trình giám sát nước thải: Dự án không thuộc đối tượng bắt buộc phải quan trắc nước thải tự động, liên tục; Dự án thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ theo quy định khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP (chủ dự án lựa chọn quan trắc nước thải định kỳ theo quy định)

+ Vị trí giám sát: Tại mỗi khu thực hiện giám sát 01 mẫu nước thải tại hố ga nước thải cuối cùng sau xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD_5, COD, TSS, Amoni, tổng N, tổng P, tổng Coliform, Sunfua, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt anion.

+ Tần suất: 03 tháng/lần

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2025/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột A, F≤2000)

- Chương trình giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

+ Giám sát việc thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; thu gom, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại theo quy định.

+ Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Chỉ được triển khai Dự án trên diện tích đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đã thực hiện các thủ tục về chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, thuê đất theo đúng quy định).

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án đối với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt, chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình Dự án (bao gồm cả việc hoàn trả công trình

thủy lợi bị chiếm dụng, hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi; hoàn trả công trình đường điện theo phương án đã được phê duyệt, chấp thuận theo quy định).

- Lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới thi công trong khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho người dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong thời gian thi công.

- Tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động, xây dựng, tài nguyên nước và các quy định của pháp luật trong các hoạt động của dự án.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và quy định khác có liên quan; chỉ được phép đổ thải các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào các vị trí phù hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép bằng văn bản và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển và đổ thải.

- Tuyệt đối không xả nước thải phát sinh từ bể phốt, hầm cầu (phát sinh từ việc sử dụng các nhà vệ sinh lưu động) ra ngoài môi trường. Hoạt động chuyển giao nước thải tuân thủ theo quy định tại khoản 4 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, ngập úng do việc thực hiện Dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, tiếng ồn, độ rung, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn môi trường liên quan.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn bộ và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm trong trường hợp xảy ra sự cố môi trường và xảy ra sự cố rủi ro, tai biến địa chất, sụt lún, ngập lụt, ngập úng cục bộ, ảnh hưởng đến hạ tầng xung quanh do quá trình thực hiện Dự án gây ra.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình

biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường để được cấp Giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật./.